

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2026.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Khắc Quế;

2. Bà Phạm Thị Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Số 71 thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Đoàn Khắc Quân**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số 55 thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/09/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày:

Bà kết hôn và chung sống với ông Đoàn Khắc Q từ năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống nhiều nơi khác nhau, khoảng 04 năm trở lại đây thì mới về sống tại huyện D, Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Quá trình chung sống vợ chồng sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 vì vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi chuyện, ông Q thường xuyên gây gổ kiếm chuyện, đánh đập vợ con, mâu thuẫn vợ chồng không có cách khắc phục nên chúng tôi đã phải sống ly thân với nhau một thời gian. Đến năm 2018 hai

vợ chồng hàn gắn lại với nhau và về chung sống tại Đồng Nai, nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không cải thiện, đến năm 2021 bà về Lâm Đồng sống gần cha mẹ ruột thì ông Q theo về; mặc dù ông Q muốn hàn gắn nhưng suốt ngày chỉ ham chơi bởi bạn bè, không lo làm ăn, cũng không phụ giúp gì nhiều cho kinh tế gia đình, mọi khó khăn đều do bà gánh vác, gia đình hai bên cũng khuyên can góp ý cho hai vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai, tình cảm vợ chồng không còn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi và ông Đoàn Khắc Q.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đoàn Minh K, sinh ngày 14/4/2009; Đoàn Gia K1, sinh ngày 25/06/2018. Hiện nay các cháu đang ở với bà H và do bà trực tiếp chăm lo. Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên, không yêu cầu ông Đoàn Khắc Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Đoàn Khắc Q trình bày: Ông kết hôn với bà Bùi Thị Thu H từ năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân tự nguyện; trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu được vài tháng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ở Quảng Trị, khoảng năm 2021 thì vợ chồng vào sống tại Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn chủ yếu là chuyện nuôi dạy con cái, còn những vấn đề khác thì không có mâu thuẫn gì. Hai vợ chồng sống riêng và cùng lo cho kinh tế, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Khoảng 01 tháng trước, vợ chồng có tranh chấp với nhau về việc nuôi dạy con cái nhưng sau đó thì mọi chuyện bình thường, vợ chồng vẫn ăn chung, ở chung. Ông vẫn thương yêu và mong muốn vợ chồng chung sống và lo cho hai con nên bà Hoài xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Minh K, sinh năm 14/04/2009 và Đoàn Gia K1, sinh ngày 25/06/2018. Hiện nay hai con vẫn ở với vợ chồng ông bà. Trường hợp bà H kiên quyết ly hôn và tòa án giải quyết ly hôn thì ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Gia K1, giao cháu Đoàn Minh K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q không yêu cầu bà Hoài cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông Q không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà Hoài được ly hôn với ông Q là có cơ sở chấp nhận; về con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên tên Đoàn Minh K, sinh năm 14/04/2009 và Đoàn Gia K1, sinh ngày 25/06/2018 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung

các đương sự khai không có nên không đề cập đến. Về án phí: bà H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đoàn Khắc Q; cư trú tại: Số 55 thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, qua xác minh tại địa phương, lời khai của các bên đương sự thấy rằng: Bà H và ông Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị), quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, mâu thuẫn đã kéo dài nhưng không có biện pháp khắc phục, hiện ông bà đã sống ly thân; ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc thể hiện ý chí bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, bà H không còn tình cảm với ông Q. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoài là có căn cứ và hợp pháp.

[4]. Về nuôi con chung: Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh K, sinh năm 14/04/2009 và Đoàn Gia K1, sinh ngày 25/06/2018; Ông Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Gia K1. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: cả cháu K và K1 đều có nguyện vọng ở với mẹ là bà H và hai cháu hiện đang do bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; bà H hiện có việc làm và thu nhập có thể đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng các con. Do đó xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung tên Đoàn Minh K, sinh năm 14/04/2009 và Đoàn Gia K1, sinh ngày 25/06/2018 cho bà Hoài trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6]. Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Thu H và ông Đoàn Khắc Q.
2. Về con chung: Giao 02 con chung con chung tên Đoàn Minh K, sinh ngày 14/04/2009 và Đoàn Gia K1, sinh ngày 25/06/2018 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003691 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. (Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, điều 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Khu vực 4 – Lâm Đồng;
- + T.H.A tỉnh Lâm Đồng;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị).
- + Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nguyệt.

